

Bản án số: 490/2023/DS-ST  
Ngày 05 - 9 - 2023  
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, TP. HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Dũng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Võ Hoàng Thu

Bà Phan Thị Dòn

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Thanh Bình

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh  
tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 306/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2023 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 416/2023/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 339/2023/QĐST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP X ; trụ sở: Đường T, phường B, Quận M, TP.Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Tấn L – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng A – Chức vụ: Giám Đốc X Chi nhánh C (theo Giấy ủy quyền số 99/2022/EIB/UQ-TGD ngày 20/09/2022 của Tổng giám Đốc X).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Lê Thị H - Giám đốc Phòng giao dịch P. (có mặt)

- Bị đơn: Bà Vương Thị L2, sinh năm 1971; Thường trú tại: Ấp B, xã L, huyện B, TP.Hồ Chí Minh.(có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Vương Văn T, địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện B, TP.Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Vương Văn H, địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện B, TP.Hồ Chí Minh. (vắng mặt)
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị N, địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện B, TP.Hồ Chí Minh. (vắng mặt)
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị H, địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện B, TP.Hồ Chí Minh. (vắng mặt)
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Đình H, địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện B, TP.Hồ Chí Minh. (vắng mặt)
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phan Thị N, địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện B, TP.Hồ Chí Minh. (vắng mặt)
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Vương Quốc V, địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện B, TP.Hồ Chí Minh. (vắng mặt)
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hà Thị M, địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện B, TP.Hồ Chí Minh. (vắng mặt)
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Vương Thị M, địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện B, TP.Hồ Chí Minh. (vắng mặt)
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Vương Thị T, địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện B, TP.Hồ Chí Minh. (vắng mặt)
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Em Nguyễn Thị T, địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện B, TP.Hồ Chí Minh có người đại diện hợp pháp là bà Nguyễn Thị N. (vắng mặt)
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Vương Quốc T, địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện B, TP.Hồ Chí Minh. (vắng mặt)
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: trẻ Vương Triệu V; địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện B, TP.Hồ Chí Minh có anh Vương Quốc T là người đại diện hợp pháp. (vắng mặt)
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: trẻ Vương Vũ T; địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện B, TP.Hồ Chí Minh có anh Vương Quốc V là người đại diện hợp pháp. (vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo Đơn khởi kiện, các bản tự khai, các tài liệu khác trong quá trình tố tụng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bao gồm:***

Bà Vương Thị L2 đã ký với Ngân hàng TMCP X các Hợp đồng tín dụng sau:

1/ Hợp đồng tín dụng số 1405LAV210054290 ngày 01/07/2021, X cấp tín dụng với số tiền là 2.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ đồng)

2/ Hợp đồng tín dụng số 1405LAV220005323 ngày 18/01/2022, X cấp tín dụng với số tiền là 600.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm triệu đồng)

Thực hiện Hợp đồng tín dụng trên, X đã giải ngân Bà L2 đã nhận nợ theo các Hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ sau:

\* Khế ước nhận nợ số 1405LDS-220000020 ngày 19/01/2022, cụ thể:

- Số tiền vay : 600.000.000 đồng;
- Thời hạn vay : 228 tháng, kể từ ngày 19/01/2022 đến ngày 19/01/2041
- Lịch trả nợ gốc : Hàng tháng vào ngày 15, số tiền gốc trả mỗi tháng là 2.632.000 đồng, số tiền trả kỳ cuối là 2.536.000 đồng
- Lịch trả lãi : Hàng tháng vào ngày 15;
- Lãi suất cho vay : 6,7%/năm, lãi suất cố định trong 1 năm đầu, từ năm thứ 2 trở đi lãi suất cho vay sẽ điều chỉnh định kỳ 03 tháng/ lần và bằng LSCS cộng (+)2,3%/năm
- Lãi suất quá hạn : 150% lãi suất cho vay,
- Mục đích sử dụng: Sửa chữa nhà và mua sắm trang thiết bị gia đình cho căn nhà Ấp M, xã L, huyện B, TP. Hồ Chí Minh để ở.

\* Khế ước nhận nợ số 1405LDS-220000150 ngày 20/06/2022, cụ thể:

- Số tiền vay : 2.000.000.000 đồng;
- Thời hạn vay : 12 tháng kể từ ngày 20/06/2022;
- Lịch trả nợ gốc : Trả một lần khi đáo hạn khoản vay
- Lịch trả lãi : Hàng tháng vào ngày 15;
- Lãi suất cho vay : 9,5%/năm cố định suốt thời gian
- Lãi suất quá hạn : 150% lãi suất cho vay;
- Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn kinh doanh tạp hóa

Tài sản bảo đảm cho 02 Hợp đồng tín dụng trên là: Căn nhà Ấp M, xã L, huyện B, TP. HCM thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Bà Vương Thị L2 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN CH 03536 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 28/06/2014, theo các Hợp đồng thế chấp sau:

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số 42/EIBCH-PGDPVH/BĐTS/21 ngày 01/07/2021 công chứng tại Phòng Công chứng số B ngày 01/07/2021; số công chứng 013612; quyền số 7/2021TP/CC-SCC/HĐGD, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 06/07/2021 tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B, TP.HCM.

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số 11/EIBCH-PGDPVH/BĐTS/22 ngày 18/01/2022 công chứng tại Phòng Công chứng số B ngày 18/01/2022; số công chứng 001450; quyền số 01/2022TP/CC-SCC/HĐGD, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 20/01/2022 tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B, TP.HCM.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng trên, Bà Vương Thị L2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo 2 Hợp đồng tín dụng đã ký kết, khoản nợ vay của Bà Vương

Thị L2 quá hạn kể từ ngày 15/02/2023. Qua nhiều lần làm việc trực tiếp với Bà Vương Thị L2 nhưng Bà L2 không có thiện chí hợp tác với Ngân hàng TMCP X để giải quyết nợ quá hạn.

Tạm tính đến ngày 15/03/2023, tất cả các khoản vay của Bà Vương Thị L2 đã quá hạn, cụ thể:

- Nợ gốc: 2.570.997.811 đồng;
- Lãi trong hạn: 43.419.705 đồng
- Phạt gốc chậm trả: 159.817 đồng
- Phạt lãi chậm trả: 644.882 đồng
- Tổng cộng : 2.615.222.215 đồng.

Yêu cầu của Ngân hàng TMCP X:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 1405LAV210054290 ngày 01/07/2021 và 1405LAV220005323 ngày 18/01/2022; Ngân hàng TMCP X đề nghị Tòa án nhân dân huyện B, TP. Hồ Chí Minh buộc bà Vương Thị L2 thanh toán cho X tổng số nợ gốc và lãi tính đến ngày 15/03/2023 là 2.615.222.215 đồng (nợ gốc: 2.570.997.811 đồng, nợ lãi: 44.224.404 đồng). Tiền lãi tiếp tục được tính theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi Bà Vương Thị L2 trả xong nợ.

Trường hợp Bà Vương Thị L2 không trả nợ, trả không đủ nợ thì phát mại tài sản thế chấp là Căn nhà ấp M, xã L, huyện B, TP. HCM thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Vương Thị L2 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN CH 03536 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 28/06/2014 (Đã cập nhật biến động lần cuối ngày 08/06/2020). Nếu giá trị tài sản bảo đảm không thu hồi đủ nợ thì Bà Vương Thị L2 tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán cho đến khi xong nợ.

***Ý kiến của bị đơn bà Vương Thị L2:*** Đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X, đồng ý về số tiền gốc vay, số tiền gốc, lãi bà Vương Thị L2 đã thanh toán, bà Vương Thị L2 đề nghị Ngân hàng TMCP X xem xét giảm lãi cho bà Vương Thị L2.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Vương Văn T, ông Vương Văn H, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Đình H, bà Phan Thị N, ông Vương Quốc V, bà Hà Thị M, bà Vương Thị M, chị Vương Thị T, em Nguyễn Thị T có người đại diện hợp pháp là bà Nguyễn Thị N, anh Vương Quốc T, trẻ Vương Triệu V có anh Vương Quốc T là người đại diện hợp pháp, trẻ Vương Vũ T có anh Vương Quốc V là người đại diện hợp pháp đã được Tòa án nhân dân huyện B thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập để lấy lời khai, triệu tập để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập tham gia phiên tòa nhưng những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung vụ án.

Các tình tiết, sự kiện phải chứng minh là việc giao kết Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp và các thỏa thuận sửa đổi bổ sung, quá trình thực hiện các hợp đồng của các bên. Phía nguyên đơn Ngân hàng TMCP X và bị đơn bà Vương Thị L2 đã thống nhất về toàn bộ nội dung, tài liệu chứng cứ để chứng minh việc giao kết Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp và các thỏa thuận sửa đổi bổ sung, quá trình thực hiện hợp đồng. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do, không phản đối bất kỳ tài liệu, chứng cứ hay tình tiết nào trong vụ án.

Tại phiên tòa:

Bà Lê Thị H là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và cung cấp bổ sung Bảng chiết tính nợ vay tính đến ngày 05/9/2023.

Bị đơn bà Vương Thị L2 vẫn giữ nguyên ý kiến, đồng ý với ý kiến của Ngân hàng TMCP X.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện B nhận thấy có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP X. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm tính trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn. Trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Ngân hàng TMCP X khởi kiện yêu cầu bà Vương Thị L2 phải thanh toán các khoản nợ gốc, lãi và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp xuất phát từ các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp đã được ký kết giữa Ngân hàng TMCP X, bà Vương Thị L2. Do đó, quan hệ tranh chấp được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn bà Vương Thị L2 cư trú tại huyện B, TP. Hồ Chí Minh nên căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, TP. Hồ Chí Minh.

[2] Về thời hiệu: Các bên không có yêu cầu áp dụng thời hiệu.

[3] Về xác định những người tham gia tố tụng: Ông Vương Văn T, ông Vương Văn H, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Đình H, bà Phan Thị N, ông Vương Quốc V, bà Hà Thị M, bà Vương Thị M, chị Vương Thị T, em Nguyễn Thị T có người đại diện hợp pháp là bà Nguyễn Thị N, anh Vương Quốc

T, trẻ Vương Triệu V có anh Vương Quốc T là người đại diện hợp pháp, trẻ Vương Vũ T có anh Vương Quốc V là người đại diện hợp pháp là những người đang cư trú tại địa chỉ Ấp M, xã L, huyện B, TP. Hồ Chí Minh. Nhà và đất tại địa chỉ Ấp M, xã L, huyện B, TP. Hồ Chí Minh là tài sản đảm bảo theo thỏa thuận được giao kết tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 42/EIBCH-PGDPVH/BĐTS/21 ngày 01/07/2021 công chứng tại Phòng Công chứng số B ngày 01/07/2021; số công chứng 013612; quyền số 7/2021TP/CC-SCC/HĐGD, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 06/07/2021 tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B, TP.HCM và Hợp đồng thế chấp tài sản số 11/EIBCH-PGDPVH/BĐTS/22 ngày 18/01/2022 công chứng tại Phòng Công chứng số B ngày 18/01/2022; số công chứng 001450; quyền số 01/2022TP/CC-SCC/HĐGD, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 20/01/2022 tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B, TP.HCM, nên Tòa án xác định ông Vương Văn T, ông Vương Văn H, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Đình H, bà Phan Thị N, ông Vương Quốc V, bà Hà Thị M, bà Vương Thị M, chị Vương Thị T, em Nguyễn Thị T có người đại diện hợp pháp là bà Nguyễn Thị N, anh Vương Quốc T, trẻ Vương Triệu V có anh Vương Quốc T là người đại diện hợp pháp, trẻ Vương Vũ T có anh Vương Quốc V là người đại diện hợp pháp tham gia vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[4] Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự: Ông Vương Văn T, ông Vương Văn H, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Đình H, bà Phan Thị N, ông Vương Quốc V, bà Hà Thị M, bà Vương Thị M, chị Vương Thị T, em Nguyễn Thị T có người đại diện hợp pháp là bà Nguyễn Thị N, anh Vương Quốc T, trẻ Vương Triệu V có anh Vương Quốc T là người đại diện hợp pháp, trẻ Vương Vũ T có anh Vương Quốc V là người đại diện hợp pháp đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Vương Văn T, ông Vương Văn H, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Đình H, bà Phan Thị N, ông Vương Quốc V, bà Hà Thị M, bà Vương Thị M, chị Vương Thị T, em Nguyễn Thị T có người đại diện hợp pháp là bà Nguyễn Thị N, anh Vương Quốc T, trẻ Vương Triệu V có anh Vương Quốc T là người đại diện hợp pháp, trẻ Vương Vũ T có anh Vương Quốc V là người đại diện hợp pháp theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Về nội dung:

[6] Đối với Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1405LAV210054290 ngày 01/07/2021 và 1405LAV220005323 ngày 18/01/2022; Khế ước nhận nợ 1405LDS-220000020 ngày 19/01/2022 và 1405LDS-220000150 ngày 20/06/2022, Ngân hàng TMCP X và bà Vương Thị L2 thống nhất về số tiền gốc giải ngân, số tiền gốc, tiền lãi bà Vương Thị L2 đã trả và xác định số tiền gốc, tiền lãi bà Vương Thị L2 chưa thanh toán tạm tính đến ngày 05/9/2023 là:

– Số tiền gốc chưa thanh toán là 2.000.000.000 đồng và tiền lãi là 144.449.773 đồng theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1405LAV210054290 ngày 01/07/2021; Khế ước nhận nợ 1405LDS-220000150 ngày 20/06/2022;

– Số tiền gốc chưa thanh toán là 570.997.811 đồng và tiền lãi là 46.235.812 đồng theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1405LAV220005323 ngày 18/01/2022; Khế ước nhận nợ 1405LDS-220000020 ngày 19/01/2022.

[7] Về yêu cầu giải quyết các hợp đồng thế chấp: Căn cứ vào Hợp đồng thế chấp tài sản số 42/EIBCH-PGDPVH/BĐTS/21 ngày 01/07/2021 và 11/EIBCH-PGDPVH/BĐTS/22 ngày 18/01/2022; Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp ngày 06/07/2021, 20/01/2022; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN CH 03536 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 28/06/2014 (Đã cập nhật biến động lần cuối ngày 08/06/2020) thì việc thế chấp để đảm bảo các khoản vay nêu trên là hợp pháp. Căn cứ Điều 299, Khoản 7 Điều 323 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì yêu cầu về việc Ngân hàng TMCP X được có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm là nhà đất tại địa chỉ Ấp M, xã L, huyện B, TP. HCM thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Vương Thị L2 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN CH 03536 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 28/06/2014 trong trường hợp bà Vương Thị L2 vi phạm nghĩa vụ thanh toán là phù hợp, có căn cứ để chấp nhận.

[8] Đối với ông Vương Văn T, ông Vương Văn H, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Đình H, bà Phan Thị N, ông Vương Quốc V, bà Hà Thị M, bà Vương Thị M, chị Vương Thị T, em Nguyễn Thị T có người đại diện hợp pháp là bà Nguyễn Thị N, anh Vương Quốc T, trẻ Vương Triệu V có anh Vương Quốc T là người đại diện hợp pháp, trẻ Vương Vũ T có anh Vương Quốc V là người đại diện hợp pháp: Trong trường hợp phát sinh tranh chấp về các quan hệ giao dịch dân sự liên quan đến nhà, đất tại Ấp M, xã L, huyện B, TP. HCM thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Vương Thị L2 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN CH 03536 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 28/06/2014 thì quyền, nghĩa vụ giữa bà Vương Thị L2 và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan này được giải quyết theo thỏa thuận trong hợp đồng dân sự, quy định của Bộ luật Dân sự, luật khác liên quan trong một vụ án khác.

[9] Về chi phí tố tụng: Ngân hàng TMCP X tạm nộp và tự nguyện chịu chi phí tố tụng. Ngân hàng TMCP X đã nộp đủ.

[10] Án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên bà Vương Thị L2 phải chịu chi án phí phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 299, Điều 307, Khoản 7 Điều 323, Điều 463, Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng;
- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 24, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP X.

1. 1. Buộc bà Vương Thị L2 phải trả cho Ngân hàng TMCP X các khoản tiền như sau:

- Số tiền gốc là 2.000.000.000 đồng và tiền lãi là 144.449.773 đồng theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1405LAV210054290 ngày 01/07/2021; Khế ước nhận nợ 1405LDS-220000150 ngày 20/06/2022;

- Số tiền gốc là 570.997.811 đồng và tiền lãi là 46.235.812 đồng theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1405LAV220005323 ngày 18/01/2022; Khế ước nhận nợ 1405LDS-220000020 ngày 19/01/2022.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1. 2. Về tài sản bảo đảm:

Trường hợp bà Vương Thị L2 không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản tiền phát sinh từ Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1405LAV210054290 ngày 01/07/2021; Khế ước nhận nợ 1405LDS-220000150 ngày 20/06/2022; Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1405LAV220005323 ngày 18/01/2022; Khế ước nhận nợ 1405LDS-220000020 ngày 19/01/2022 thì Ngân hàng TMCP X được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là nhà, đất tại địa chỉ Ấp M, xã L, huyện B, TP. HCM thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Vương Thị L2 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN CH 03536 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 28/06/2014.

Trường hợp số tiền có được từ việc xử lý tài sản thế chấp sau khi thanh toán chi phí bảo quản, thu giữ và xử lý tài sản thế chấp lớn hơn giá trị nghĩa vụ được bảo đảm thì số tiền chênh lệch phải được trả cho bên bảo đảm.

Trường hợp số tiền có được từ việc xử lý tài sản thế chấp sau khi thanh toán chi phí bảo quản, thu giữ và xử lý tài sản thế chấp nhỏ hơn giá trị nghĩa vụ được bảo đảm thì phần nghĩa vụ chưa được thanh toán được xác định là nghĩa vụ không có bảo đảm. Bà Vương Thị L2 có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn lại.

2. Về chi phí tố tụng: Ngân hàng TMCP X đã tạm nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và tự nguyện chịu chi phí tố tụng. Ngân hàng TMCP X đã nộp đủ.

3. Về án phí và xử lý tiền tạm ứng án phí:

Bà Vương Thị L2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 87.233.000 đồng.

Trả Ngân hàng TMCP X số tiền tạm ứng án phí là 41.709.778 đồng theo Biên lai số: 43075 ngày 07/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, TP. Hồ Chí Minh.

4. Ngân hàng TMCP X, bà Vương Thị L2 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Vương Văn T, ông Vương Văn H, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Đình H, bà Phan Thị N, ông Vương Quốc V, bà Hà Thị M, bà Vương Thị M, chị Vương Thị T, Em Nguyễn Thị T có người đại diện hợp pháp là bà Nguyễn Thị N, anh Vương Quốc T, trẻ Vương Triệu V có anh Vương Quốc T là người đại diện hợp pháp, trẻ Vương Vũ T có anh Vương Quốc V là người đại diện hợp pháp được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014)/.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND huyện B, TP.HCM;
- Chi cục THADS huyện B, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Xuân Dũng**